

# Bảo tàng với việc khai thác và phát huy di sản chữ Nôm

NGUYỄN KIM DUNG\*

**N**gôn ngữ và chữ viết là một trong những sáng tạo vĩ đại nhất của trí tuệ loài người. Ngôn ngữ và chữ viết chính là "cái vỏ" của văn hoá, là công cụ giao tiếp hết sức sinh động và cần thiết, là phương tiện chuyển tải hệ thống các giá trị và những biểu đạt văn hoá, phản ánh nhân sinh quan, thế giới quan của con người. Bởi vậy, nó là một trong những yếu tố quyết định bản sắc của một nhóm hay một tộc người và là một phần vô cùng quan trọng làm phong phú, đa dạng kho tàng di sản văn hoá của nhân loại.

Theo con số thống kê mới đây trên trang web của UNESCO, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc, ngày nay trên thế giới có khoảng 6.000 ngôn ngữ, trong đó, 5.760 ngôn ngữ (tức 96%) chỉ được sử dụng trong 4% dân số thế giới. Và đương nhiên là những ngôn ngữ này không thể tìm thấy trên mạng internet.

Điều đáng lo ngại là, trong bối cảnh toàn cầu hoá và hiện đại hoá về văn hoá ở khắp nơi trên thế giới, nhiều ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số đang ngày càng bị mai một, thậm chí là đang đứng trước nguy cơ bị mất hẳn. Cũng theo thông tin từ trang web của UNESCO, trung bình cứ hai tuần lại có một ngôn ngữ biến mất khỏi thế giới. Chúng ta nghĩ gì trước con số báo động mà ít ai có thể ngờ tới này?

Bên cạnh nhiều hoạt động nhằm đảm bảo cho sự đa dạng văn hoá và bảo vệ các ngôn ngữ của các dân tộc tránh khỏi những nguy cơ mai một, UNESCO đã công bố một loạt văn bản và hoạt động như: Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về đa dạng văn hoá (năm 2001), Công ước Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể (năm 2003) và khuyến nghị các kế hoạch hành động. Nhân ngày 19/2/2004, ngày Quốc tế Bảo vệ tiếng mẹ đẻ (International Day for Mother Tongues), ngài Tổng Giám đốc UNESCO

đã gửi thông điệp kêu gọi tất cả mọi người cùng quan tâm tới ngày này (thu hút cả những học sinh ở lứa tuổi sớm nhất trong hệ thống giáo dục học đường). Mới đây, ngày 14/6/2004, một đại hội về ngôn ngữ khu vực Tây Phi đã được tổ chức tại Trường Đại học Ibadan, Nigeria với chủ đề: "Toàn cầu hoá và tương lai của các ngôn ngữ khu vực Tây Phi".

Ở Việt Nam cũng có một thứ chữ cổ mà ngày nay nhiều người không biết đến, đó là chữ Nôm. Theo Từ điển Bách khoa toàn thư, "Chữ Nôm (ngôn ngữ) là chữ viết cổ ghi tiếng Việt, thuộc loại hình chữ vuông, được tạo ra trên nguyên tắc và trên cơ sở của chữ Hán với cách đọc Hán - Việt. Ngôn ngữ này có thể hình thành vào thế kỷ 9, 10 và hoàn chỉnh dần vào các thế kỷ sau. Nó được dùng trong sáng tác văn học từ thế kỷ 13 - 15. Và, đặc biệt ở thế kỷ 18 - 19, đã xuất hiện ngày càng nhiều tác phẩm tiêu biểu viết bằng chữ Nôm (ví dụ Truyện Kiều). Đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 khi chữ quốc ngữ được dùng phổ biến thì chữ Nôm không còn được sử dụng nữa."

Như vậy, chữ Nôm là một sản phẩm sáng tạo của trí tuệ người Việt trong hoàn cảnh lịch sử cuối thời Bắc thuộc, đầu thời Tự chủ. Bản thân sự ra đời của nó cũng đã phản ánh một ý chí tự lực tự cường dân tộc. Được hình thành và tồn tại qua hàng ngàn năm, chữ Nôm không chỉ đóng vai trò một công cụ giao tiếp hết sức sinh động và quan trọng của người Việt, nhất là trong dân gian. Thuở thịnh hành, nó là một phương tiện chuyển tải biết bao giá trị và những biểu đạt văn hoá, phản ánh nhân sinh quan, thế giới quan của cha ông ta trong nhiều thế kỷ. Các văn bản bằng chữ Nôm thuần túy và vô văn văn bản chữ Hán - Nôm dưới nhiều thể loại như văn bản trên giấy, gỗ, đồng, các văn bia bằng đá hay minh văn trên đồ gốm,... hiện còn lưu giữ được không chỉ ở Việt Nam (tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, Thư viện

\* CỤC DI SẢN VĂN HOÁ

Quốc gia, Thư viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, thư viện các bảo tàng trung ương và địa phương, các di tích, đình, chùa và cả nhà tư nhân ...) mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới (Ý, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ,...).

Kho tàng di sản chữ Nôm vô cùng quý giá. Do điều kiện khí hậu khắc nghiệt và chiến tranh liên miên, nhiều công trình sáng tạo liên quan tới tôn giáo, nghệ thuật, đồ dân dụng của dân tộc ta trong những thế kỷ đầu của thiên niên kỷ thứ hai đã bị phá huỷ hầu hết. Số di vật và di tích ít ỏi may mắn sót lại, trong đó còn chứa đựng nhiều tầng, nhiều lớp văn hoá (do quá trình tu bổ hoặc xây dựng lại), nhờ vào những văn bia, văn bản chữ Nôm và chữ Hán - Nôm mà các nhà nghiên cứu xác định được tuổi và cả những thông tin về lịch sử hình thành hay kỹ thuật xây dựng, chế tác, tác giả hay hiệp thợ, quy mô ban đầu, niên đại khởi dựng và số lần tu sửa lại, v.v... Các văn bản Hán - Nôm còn là những minh chứng khoa học giúp điều chỉnh lại nhận thức của những người làm công tác nghiên cứu liên quan nói chung, những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng nói riêng, làm cho những nhận thức về truyền thống, về quan niệm, tư tưởng trong lịch sử trở nên đúng đắn hơn, giúp xác định lại niên đại lịch sử một cách chính xác hơn. Chẳng hạn, ban đầu, khi xem xét về tượng Phật giáo thời Lê sơ trở về trước, trên cơ sở các di vật và bia ký, các nhà nghiên cứu đã cho rằng tượng Phật xuất hiện từ thời Lý, nhưng chưa xác định được một cách rõ ràng có những loại tượng gì. Có lẽ thời đó, chỉ có loại tượng Thích Ca Mâu Ni, loại tượng thể hiện xu thế đi lên của xã hội được làm nhiều hơn, trong khi đó, Phật A Di Đà vốn gắn với quá khứ nên chưa mấy được quan tâm. Sau đó, nhờ vào văn bia chữ Hán - Nôm, người ta biết được một cách cụ thể rằng, vào năm 1099 nhà sư Trì Bát đã muốn làm một pho tượng A Di Đà nhưng chưa làm được. Văn bia chữ Hán - Nôm đã giúp các nhà nghiên cứu khẳng định lại từ thời nhà Lý đã xuất hiện nhiều loại hình nhân dạng Phật giáo, không chỉ có các loại tượng Phật mà còn có cả phù điêu Bồ tát nữa.

Trong lĩnh vực kiến trúc, các nhà nghiên cứu chưa tìm được sự hiện diện của các ngôi nhà tả vu và hữu vu có niên đại trước thời Nguyễn. Song, nhờ có văn bia, (trước khi khai quật khảo cổ học tại khu Lam Kinh), người ta biết được, từ trước thế kỷ 19 đã có sự hiện hữu của kết cấu kiến trúc này.

Một ví dụ khác, từ năm 1983, có tác giả đã nêu ra một giả định về niên đại của đình làng Việt Nam

có manh nha từ thời Lê Sơ và định hình vào thời Mạc. Mãi tới năm 2002, nhờ vào các văn bia Hán - Nôm mà nhận định trên gần như đã được khẳng định.

Mấy ví dụ trên cho thấy ý nghĩa của di sản chữ Nôm nói riêng, chữ Hán - Nôm nói chung. Việc phát hiện, nghiên cứu các văn bản chữ Hán - Nôm và công tác khảo sát thực tế, sưu tầm, gìn giữ di sản chữ Hán - Nôm có mối quan hệ hỗ trợ tương tác. Do đó, vấn đề đặt ra ở đây là, các thiết chế văn hoá như bảo tàng, di tích, thư viện ... là những nơi đã, đang và có điều kiện sưu tầm, gìn giữ và phát huy di sản chữ Nôm cần phải ứng xử ra sao ?

Thực tế, chưa từng có ai hay bất cứ một đơn vị nào nghĩ đến chuyện thử thống kê, đánh giá và khai thác một cách toàn diện để phát huy di sản văn hoá phi vật thể độc đáo này. Có thể nhiều người đã biết rằng, các văn bản, tài liệu về chữ Hán - Nôm đang được lưu giữ nhiều ở Viện Hán - Nôm. Song, hầu như có rất ít người biết được, ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, một cơ sở tưởng như chẳng có gì liên quan đến chữ Hán - Nôm, hiện cũng đang trưng bày hàng chục tác phẩm có chữ Nôm (thuần túy chỉ có chữ Nôm) và rất nhiều tác phẩm có chữ Hán - Nôm (tập trung nhiều ở tranh dân gian và đồ gốm).

Qua công trình nghiên cứu "Cẩm nang đồ gốm Việt Nam có minh văn thế kỷ XV - XIX" (2002) của tiến sĩ Nguyễn Đình Chiến (công tác tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam), ngoài những thông tin về kiểu dáng, trang trí, chất men ... mà tác giả đã nghiên cứu, phân tích, tổng hợp được, những tài liệu minh văn Hán - Nôm trên đồ gốm được giới thiệu ở đây còn cung cấp nhiều thông tin quý về xuất xứ, nghệ nhân và niên đại tuyệt đối đáng tin cậy. Bằng phương pháp so sánh, những hiện vật có minh văn này trở thành căn cứ khoa học để xác định niên đại cho các đồ gốm Việt Nam cùng phong cách mà trước đây chưa khẳng định được.

Bộ sưu tập "Nghệ thuật gốm cổ Việt Nam" (có niên đại từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 20) của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam hiện nay đã được hình thành từ cơ sở ban đầu là một phần của bộ sưu tập gốm do người Pháp sưu tầm được từ những năm đầu thế kỷ XX đưa vào Bảo tàng L. Finot (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ngày nay). Dần dần, bộ sưu tập này được nhiều thế hệ cán bộ của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam bổ sung thêm và trở thành một trong những bộ sưu tập gốm quý hiếm nhất nhì trong cả nước. Tuy nhiên, những giá trị đặc biệt của đồ gốm cổ có minh văn ở đây chỉ mới được phát lộ từ vài năm qua, sau

khi những chữ Nôm và Hán - Nôm ghi trên đồ gốm được nhà nghiên cứu Hán-Nôm TS. Trần Bá Chí là người thông thạo Hán - Nôm được mời giúp Bảo tàng Mỹ thuật dịch ra chữ quốc ngữ. Những bí ẩn về ý nghĩa nội dung gắn với hiện vật được hé mở đã làm thức dậy những giá trị đích thực của hiện vật bảo tàng. Chiếc điếu có minh văn sắp được giới thiệu dưới đây là một trong rất nhiều minh chứng cụ thể có thể đưa ra làm ví dụ.

Chiếc điếu bát bằng đất nung (ký hiệu 2-G3-2; gốm Thổ Hà, tỉnh Bắc Ninh) có hình con ốc nhồi đặt trên một chiếc lá sen này có một vẻ đẹp tạo hình thật giản dị, mộc mạc. Trên lưng ốc có khắc bốn dòng chữ như chữ Hán. Trước đây, hiện vật có vẻ tầm thường này vẫn thường bị bỏ qua vì chưa phải là một điểm sáng (highlight) trong chương trình giới thiệu cho khách tham quan. Nguyên do là chẳng ai trong số các hướng dẫn viên bảo tàng biết chữ Hán - Nôm để mà hiểu những chữ kia nói gì, ý nghĩa của nó ra sao. Sau khi được dịch ra mới rõ đây chính là bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Nôm "Vịnh ốc lồi" của bà chúa thơ Nôm - nữ thi sĩ nổi tiếng Hồ Xuân Hương:

Cha mẹ sinh ra phận ốc lồi,  
Đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi.  
Quần tử có yêu thời bóc yếm,  
Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi.

Nội dung của bài thơ làm ta nhớ ngay đến bài "Vịnh quả mít" của bà. Theo TS. Trần Bá Chí, điểm đáng chú ý ở đây là: Chữ "thì" là chữ Nôm thứ 5 trong câu thứ 3 của bài thơ đã được viết chệch đi thành "thời" cho thấy ở đây đã có một sự kiêng kỵ tên húy của vua Tự Đức lúc lên ngôi là "Nguyễn Phúc Thi" (Đế hiệu là "Hong Nhiem", ở ngôi từ tháng 10 năm Đinh Mùi, 1847 đến 26/6/1883 thì mất). Từ đó có thể suy ra, hiện vật này chỉ có thể ra đời sau năm 1847. Biết được nội dung bài thơ, giờ đây chúng ta hiểu tại sao chiếc điếu bát này lại được nặn hình con ốc nhồi đặt trên một chiếc lá sen. Rõ ràng, tác giả của nó đã thực sự đồng cảm với tâm sự của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, đề cao phẩm giá của người phụ nữ, gián tiếp phê phán kẻ bạc nghĩa bội tình, vô trách nhiệm trong cuộc sống. Tác phẩm này đã đạt được cả giá trị nghệ thuật lẫn giá trị biểu đạt nội dung, phản ánh một hiện thực xã hội đương thời. Hơn nữa, để tạo nên một sản phẩm gốm cần có năm thành phần sau:

1. Đất (Thổ) là vật liệu không thể không có;
2. Kim loại (Kim) là phần bịt trên miệng điếu và cũng có trong xương đất để nặn gốm);
3. Nước (Thủy) cần cho việc nhào nặn đất làm

gốm (và cả khi hút thuốc cũng cần phải có nước trong bát điếu);

4. Gỗ hay củi (Mộc) dùng để nung chín đất thành gốm. Ngoài ra, ống điếu cũng thường được làm bằng gỗ hoặc trúc;

5. Lửa (Hoả) mà không có thì đất không thể thành gốm được.

Như vậy, một sản phẩm gốm đã hội tụ đầy đủ cả năm yếu tố cơ bản cấu thành "trời đất": Kim, mộc, thủy, hoả, thổ trong quan niệm "âm - dương ngũ hành".

Một cán bộ thuyết minh của bảo tàng ngày nay cần phải đạt tới một trình độ nhất định: Không chỉ có kiến thức chung, đủ rộng, đủ bao quát về các bộ sưu tập của bảo tàng mà còn phải có kiến thức đủ sâu về những hiện vật cơ bản, như vậy mới có thể đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng phục vụ của bảo tàng. Việc xưa nay chúng ta chưa quan tâm đầy đủ để khai thác hết được những giá trị nội dung của chữ Hán - Nôm trên các hiện vật của bảo tàng và di tích là một hạn chế đáng tiếc. Còn rất nhiều hiện vật cổ có minh văn Hán - Nôm đang được lưu giữ tại các bảo tàng khắp nơi trên thế giới cùng hàng ngàn cuốn thần tích, tục lệ, địa bạ, cổ chỉ ... và biết bao nhiêu bia đá ở khắp các địa phương trong cả nước là những nguồn tài liệu vô cùng quý giá, không chỉ giúp ta xác định được niên đại chính xác, mà còn chuyển tải suy nghĩ, tình cảm của người xưa, phản ánh hiện thực xã hội của những giai đoạn lịch sử cụ thể.

Vậy mà, trên thực tế, hiện nay còn quá ít cơ quan giáo dục hay cơ quan văn hoá thực sự quan tâm đến vấn đề này một cách đầy đủ. Kết quả là hầu hết thế hệ trẻ Việt Nam không hề biết xưa kia cha ông mình đã sáng tạo ra chữ Nôm, một di sản đã từng góp phần làm cho văn hoá Việt Nam có một bản sắc riêng rất đáng tự hào. Họ không được phổ biến kiến thức, không có điều kiện để học và thực sự thì cũng không mấy bạn trẻ muốn học vì họ cho rằng nó vừa khó lại không mấy áp dụng được trong thực tế cuộc sống hiện đại. Trong một bài viết đăng trên tạp chí Hán - Nôm số 4(59), năm 2003, Nhà giáo Nhân dân, GS. Nguyễn Cảnh Toàn đã phân tích rằng: "Cha ông ta, qua hai nghìn năm lịch sử dùng tiếng Hán đã Việt hoá tiếng Hán đến tận xương tuỷ, nhất là trong cách đọc, đạt được âm hưởng Việt Nam trăm phần trăm". Trong khi đó, "những người Việt Nam dưới tuổi 60 tuyệt đại bộ phận đều mù chữ Nho vì đã lâu lắm rồi, trường phổ thông không còn dạy chữ Nho cho học sinh nữa.

Điều đó để lại một khoảng trống đáng sợ". Muốn thạo chữ Nôm thì phải biết cả chữ Hán. Theo đánh giá của Hội bảo tồn Di sản chữ Nôm (được thành lập năm 1999 tại tiểu bang Florida, Mỹ), hiện trên thế giới chỉ còn khoảng 100 người đọc và viết thạo chữ Nôm, trong khi trên 90% thư tịch Nôm chưa từng được dịch sang chữ quốc ngữ. Cùng với nhiều ngôn ngữ, chữ viết khác trên thế giới như đã nói đến ở phần trên, chữ Nôm của Việt Nam đã nằm trong tình trạng báo động chung về nguy cơ mai một nhanh chóng.

Thiết tha với di sản văn hoá dân tộc, tháng 11 năm 2004 tới đây, Viện Nghiên cứu Hán - Nôm (Việt Nam) cùng với Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm (Hoa Kỳ) sẽ tổ chức "Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm tại Việt Nam" nhằm tập hợp các nhà Nôm học, các chuyên gia ngôn ngữ và tin học của Việt Nam, Bỉ, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ... để thảo luận về những khám phá trong lĩnh vực nghiên cứu về chữ Nôm mấy chục năm qua. Tại Hội nghị này, các thư viện, bảo tàng, kho lưu trữ... trên thế giới sẽ có dịp trao đổi thông tin về vốn tài sản có văn bản chữ Nôm của mỗi đơn vị, những khám phá trong lĩnh vực nghiên cứu chữ Nôm; trình bày những khó khăn vướng mắc hay trao đổi những kinh nghiệm, những biện pháp bảo quản, sử dụng và phổ biến các văn bản chữ Nôm của mình. Hội nghị cũng sẽ khuyến khích các kho tàng lưu trữ các tư liệu chữ Nôm ở các nước hợp tác với Việt Nam bảo vệ di sản chữ Nôm. Một số dự án khác nhằm phục hồi và phát huy di sản chữ Nôm như dịch sang tiếng Anh và phổ biến tập thơ Nôm của nữ sĩ Hồ Xuân Hương "The spring Essence - The Poetry of Ho Xuan Hương", xây dựng phần mềm thư mục chữ Nôm, từ điển điện tử chữ Nôm, tài trợ các chương trình học bổng cho sinh viên học chữ Nôm, v.v ... cũng đã và đang được Hội Bảo tồn Di sản chữ Nôm tích cực triển khai. Những hoạt động này sẽ góp phần nâng cao nhận thức của mọi người về giá trị và sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy di sản chữ Nôm. Đây là những hoạt động rất đáng hoan nghênh.

Trở lại với sứ mệnh của ngành Văn hóa, Luật Di sản văn hóa đã quy định rõ tại chương II, điều 7: Nhà nước bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thông qua các biện pháp như tổ chức sưu tầm, thống kê, phân loại thường xuyên và định kỳ..., tăng cường việc truyền dạy, phổ biến, xuất bản, đầu tư và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; ngăn chặn nguy cơ mai một, thất truyền .... Vì vậy, các bảo tàng và di tích, ngoài việc bảo quản tốt các hiện vật còn cần phải biết khai thác tốt ý nghĩa nội dung của các hiện vật thông qua các văn bản Hán - Nôm, làm khơi dậy giá trị đích thực của hiện vật để hấp dẫn, cuốn hút người xem, từ đó phát huy giá trị di sản này. Hơn nữa, muốn cho di sản này trường tồn, cần phải quan tâm phổ biến rộng rãi, truyền dạy và khuyến khích thế hệ trẻ học tập. Trong chiến lược phát triển của mình, các bảo tàng và di tích cũng cần quan tâm thêm đến tiêu chí về hiểu biết chữ Hán - Nôm khi tuyển dụng và đào tạo cán bộ chuyên môn nghiên cứu sưu tầm và cán bộ thuyết minh bảo tàng. Các bảo tàng, di tích, thư viện chính là những thiết chế văn hoá có điều kiện tham gia làm tốt việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy di sản chữ Nôm. Nếu như trước mắt, việc đào tạo, bồi dưỡng thêm kiến thức về chữ Hán - Nôm cho các cán bộ nghiên cứu, sưu tầm và cán bộ thuyết minh của bảo tàng và di tích chưa thể một sớm một chiều thực hiện được ngay, thì ít ra, cũng nên tiến hành thống kê, đánh giá, xác định những giá trị của di sản chữ Nôm ở cơ sở mình đang có để khai thác, phát huy. Có thể ví, những giá trị của di sản văn hoá này, nếu cứ để ngủ quên trong các kho của bảo tàng và di tích ở khắp nơi thì cũng giống như những viên ngọc ru - bi, kết tinh hàng triệu năm của trời đất, không được khai thác và qua bàn tay con người chế tác, làm cho hoàn thiện, long lanh thêm thì chúng cũng sẽ mãi mãi chỉ là những vật vô tri vô giác nằm sâu trong lòng đất một cách vô dụng mà thôi./

NKD

**SUMMARY:** The Nom characters is the achievement of Vietnamese who creatively adopted the Han (old Chinese) characters of the Chinese. The remained documents in Nom and Han lays in research institutes, museums, communal houses, pagodas at home and abroad. The Nom characters is endangered, being lost forever. Museum is cultural institution which has the opportunity to actively participate in the preservation, utilization, and display of Nom characters heritage. This is a message that the author would like to send to the readers.

(NGUYỄN KIM DUNG)